TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-PT
Ngày: 14 – 4 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Tử Lượng

Các Thẩm phán: ông Đinh Huy Lưỡng và bà Trần Thị Sâm

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: ông Phạm Hữu Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 13, 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị H sinh năm 1977; địa chỉ: xóm 3 XT, xã Kh, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: anh Nguyễn Đức A sinh năm 1998; địa chỉ: tầng 2, số 136 VC, phường X, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/02/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Đặng Hồng D và ông Nguyễn Văn T – Luật sư Công ty luật TNHH S thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: tầng 2, số 136 VC, phường X, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: chị Hoàng Thị Th sinh năm 1991; địa chỉ: thôn TN 2, xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Hữu H sinh năm 1988; địa chỉ: Văn phòng Luật sư Đ và cộng sự, số 150 đường L, phố V, phường N, thành phố Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/12/2022).

3. Người kháng cáo: chị Hoàng Thị Th là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên chị H đã nhiều lần cho chị Th vay tiền, từ tháng 9/2020 đến tháng 10/2020 chị H đã 12 lần cho chị Th vay tổng số tiền 7.490.000.000 đồng. Mỗi lần vay chị H và chị Th đều lập Hợp đồng cho cá nhân vay tiền có ghi số tiền vay, thời hạn vay và chữ ký xác nhận của các bên, cụ thể các hợp đồng vay như sau:

1. Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 08/9/2020, số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mức lãi suất theo thỏa thuận; (TLCGĐ kí hiệu A10)

2. Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 10/10/2020 số tiền vay 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, mức lãi suất theo thỏa thuận; (TLCGĐ kí hiệu A30)

3. Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 12/10/2020 số tiền vay 800.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, mức lãi suất theo thỏa thuận (TLCGĐ kí hiệu A32);

4. Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 14/10/2020 số tiền vay 850.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, mức lãi suất theo thỏa thuận; (TLCGĐ kí hiệu A34)

5. Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 16/10/2020 số tiền vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 05 ngày, mức lãi suất theo thỏa thuận; (TLCGĐ kí hiệu A35)

6. Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 16/10/2020 số tiền vay 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, mức lãi suất theo thỏa thuận; (TLCGĐ kí hiệu A36)

7. Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 18/10/2020 số tiền vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, mức lãi suất theo thỏa thuận; (TLCGĐ kí hiệu A37)

8. Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 18/10/2020 số tiền vay 240.000.000 đồng, thời hạn vay 07 ngày, mức lãi suất theo thỏa thuận; (TLCGĐ kí hiệu A38)

9. Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 19/10/2020 số tiền vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 03 ngày, mức lãi suất theo thỏa thuận; (TLCGĐ kí hiệu A39)

10. Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 20/10/2020 số tiền vay 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 13 ngày, mức lãi suất theo thỏa thuận; (TLCGĐ kí hiệu A41)

11. Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 20/10/2020 số tiền vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 05 ngày, mức lãi suất theo thỏa thuận; (TLCGĐ kí hiệu A40)

12. Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 25/10/2020 số tiền vay 600.000.000 đồng, thời hạn vay 03 ngày, mức lãi suất theo thỏa thuận; (TLCGĐ kí hiệu A42)

Khi đến thời hạn thanh toán mỗi hợp đồng vay, chị H đều gọi điện, nhắn tin cho chị Th để yêu cầu chị Th trả nợ nhưng chị Th cố tình không thanh toán số tiền gốc và lãi. Do vậy, chị H xác định chị Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng vay tiền mà hai bên đã ký kết. Năm 2021, khi Công an huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình giải quyết tố giác tội phạm của chị H đã giám định chữ ký, chữ viết của chị Th trong 12 bản hợp đồng nêu trên và đã có kết luận đó là chữ ký, chữ viết của chị Hoàng Thị Th nên chị Th phải chịu trách nhiệm trả số tiền đã vay cho chị H. Trong các hợp đồng vay tiền chỉ ghi mức lãi suất "Theo thỏa thuận", không ghi cụ thể lãi suất là bao nhiêu nên chị H xác định lãi suất áp dụng trong 12 hợp đồng vay tiền là 10%/năm theo quy định của pháp luật. Chị H và chị Th cũng không thống nhất với nhau về lãi suất trên nợ lãi chưa trả và lãi suất trên nợ gốc quá hạn chưa trả nhưng theo quy định của pháp luật thì chị Th phải trả lãi trên nợ lãi chưa trả với lãi suất 10%/năm và trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả với lãi suất 150% của lãi suất trong hạn.

Chị H yêu cầu Tòa án buộc chị Th phải trả cho chị H số tiền mà chị Th còn nợ theo 12 hợp đồng vay tiền nêu trên tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2022) là 9.628.437.031 đồng, trong đó:

- Số tiền nợ gốc là 7.490.000.000 đồng;
- Số tiền lãi là 2.138.437.031 đồng, trong đó:

+ Lãi trên nợ gốc trong hạn là 19.035.616 đồng;

+ Lãi trên nợ lãi chưa trả là 3.587.717 đồng;

+ Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 2.115.813.698 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: chị H yêu cầu Tòa án buộc chị Th chịu trách nhiệm nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 12/4/2022, đơn đề ngày 10/5/2022, bị đơn là chị Hoàng Thị Th trình bày:

Chị Th không công nhận tổng số tiền 7.222.222.000 đồng theo 09 hợp đồng mà chị H giao nộp cho Tòa án vì số tiền này chị Thuỳ không được trực tiếp cầm khi viết hợp đồng vay tiền với chị H mà là lãi cộng dồn 30%/2 ngày, 20%/2 ngày, 35%/3,5,7 ngày. Trong hợp đồng vay tiền ngày 12/10/2020 chị Th đã thanh toán đủ số tiền gốc là 800.000.000 đồng và 256.000.000 đồng tiền lãi. Chị Th cho rằng mức lãi suất thực tế mà chị Th phải trả cho chị H là 2160%/năm. Đề nghị Tòa án làm rõ số tiền gốc và lãi mà chị Th đã trả cho chị H trong 37 hợp đồng mà chị Th đã giao nộp cho Tòa án.

Ngày 23/6/2022, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô đã tiến hành lấy lời khai của chị Th nhưng sau khi lấy lời khai xong, chị Th đã được nghe đọc nhưng không ký vào biên bản lấy lời khai. Ngoài ra, chị Th không tham gia đối chất, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không xác định được ý kiến trình bày cụ thể của chị Th là như thế nào.

Tại Kết luận giám định số 390/KLGĐ-PC09-TL ngày 22/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Ninh Bình do Công an huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình cung cấp có nội dung:

1. Chữ viết phần nội dung từ "xóm 2... Ninh Bình" tại dòng 1, dòng 2 trang 1; chữ số tại cuối trang 1 (trừ A2, A10, A22, A28, A29, A31, A33, A39, A40, A41, A42) và chữ ký dạng chữ viết, chữ viết: "H – Trần Thị H" dưới mục "Đại diện bên A" trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A42; chữ ký dạng chữ viết, chữ viết: "H – Trần Thị H" tại dòng 10, dòng 11 trang 2 trên mẫu cần giám định A43 so với các chữ viết, chữ số, chữ ký dạng chữ viết của Trần Thị H trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 là do cùng một người viết, ký ra.

2. Chữ số, chữ viết phần nội dung (trừ đoạn từ "Xóm 2...Ninh Bình" tại dòng 1, dòng 2 trên A1 đến A42), chữ số cuối các trang trên A27, A28, A29, A31, A39, A40, A41; chữ ký dạng chữ viết, chữ viết: "Th – Hoàng Thị Th" dưới mục "Đại diện bên B" trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A42 và chữ viết, chữ ký dạng chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A43 (trừ chữ ký "H" và các chữ "Trần Thị H" tại dòng 10, 11 trang 2) so với các chữ số, chữ viết, chữ ký dạng chữ viết của Hoàng Thị Th trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M11 đến M19 là do cùng một người viết, ký ra.

3. Không đủ cơ sở kết luận giám định đối với các chữ số cuối trang 1 trên mẫu cần giám định ký hiệu A22, A33 là do ai viết ra.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 146, Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Hoàng Thị Th.

1. Về nghĩa vụ trả tiền:

Buộc chị Hoàng Thị Th phải trả cho chị Trần Thị H số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2022) là 9.628.437.031 đồng *(chín tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn không trăm ba mươi mốt đồng)*, trong đó:

- Số tiền gốc là 7.490.000.000 đồng *(bảy tỷ bốn trăm chín mươi triệu đồng)*;

- Số tiền lãi là 2.138.437.031 đồng *(hai tỷ một trăm ba mươi tám triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn không trăm ba mươi mốt đồng)*, trong đó:

+ Lãi trên nợ gốc trong hạn là 19.035.616 *đồng (mười chín triệu không trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng)*;

+ Lãi trên nợ lãi chưa trả là 3.587.717 đồng *(ba triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm mười bảy đồng)*;

+ Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 2.115.813.698 đồng (*hai tỷ một trăm mười lăm triệu tám trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Hoàng Thị Thuỳ phải chịu 117.628.437 đồng *(một trăm mười bảy triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Trần Thị H 59.153.000 đồng *(năm mươi chín triệu một trăm năm mươi ba nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0006272 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2022, chị Hoàng Thị Th nộp đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô về phần: "Buộc chị Hoàng Thị Thuỳ phải trả cho chị Trần Thị H số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2022) là 9.628.437.031 đồng *(chín tỷ*

sáu trăm hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn không trăm ba mươi mốt đồng), trong đó:

- Số tiền gốc là 7.490.000.000 đồng *(bảy tỷ bốn trăm chín mươi triệu đồng)*;

- Số tiền lãi là 2.138.437.031 đồng *(hai tỷ một trăm ba mươi tám triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn không trăm ba mươi mốt đồng)*, trong đó:

+ Lãi trên nợ gốc trong hạn là 19.035.616 *đồng (mười chín triệu không trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng)*;

+ Lãi trên nợ lãi chưa trả là 3.587.717 đồng *(ba triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm mười bảy đồng)*;

+ Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 2.115.813.698 đồng (*hai tỷ một trăm mười lăm triệu tám trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng*)".

Lý do: chị Th không được cầm số tiền 7.490.000.000 đồng mà số tiền này là tiền lãi của những hợp đồng đã trả cho chị H chứ không phải tiền chị Th vay của chị H. Bản án sơ thẩm không đánh giá đúng chứng cứ và không làm rõ được sự thật khách quan, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Th.

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm đánh giá lại chứng cứ, tình tiết và nội dung quan hệ; xem xét tính hợp lý và hợp pháp của bản án sơ thẩm; hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào 12 bản hợp đồng cho cá nhân vay tiền giữa chị H và chị Th, do nguyên đơn giao nộp; Kết luận giám định số 390/KLGĐ-PC09-TL ngày 22/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Ninh Bình; Điều khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo. Đề nghị Tòa án xem xét đến việc chị Trần Thị H có chồng là anh Phạm Văn Trung nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh Trung vào tham gia tố tụng để xem xét đến nguồn gốc số tiền cho chị Th vay; Hợp đồng vay tiền giữa chị Th và chị H thỏa thuận lãi suất không rõ ràng nhưng bản án sơ thẩm xác định hợp đồng

vay tiền có lãi suất là không đúng mà phải căn cứ khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự xác định hợp đồng không có lãi. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Hoàng Thị Th; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô.

- Chị Hoàng Thị Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng

Chị Hoàng Thị Th đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án được xét xử lại theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Tòa án nhân dân huyện Yên Mô thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của chị Trần Thị H là đúng thẩm quyền quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đúng quy định và không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo

Trong quá trình tranh luận, người đại diện theo ủy quyền của chị Th đề nghị Tòa án xem xét đến việc chị Trần Thị H có chồng là anh Phạm Văn Trung nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh Trung vào tham gia tố tụng để xem xét đến nguồn gốc số tiền đã cho chị Th vay. Xét thấy, trong 12 bản hợp đồng có tranh chấp và đang giải quyết trong vụ án là sự thỏa thuận, giao kết giữa cá nhân chị H và cá nhân chị Th, không có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của cá nhân

nào khác. Do đó, người đại diện của chị Th yêu cầu xem xét đưa chồng chị H vào tham gia tố tụng là không đúng.

Trên cơ sở ý kiến, lời khai của nguyên đơn, tài liệu có trong hồ sơ vụ án là 12 Hợp đồng cho cá nhân vay tiền giữa chị Trần Thị H và chị Hoàng Thị Th được ký kết trong các ngày 08/9/2020, 10/10/2020, 12/10/2020, 14/10/2020, 16/10/2020 (2 hợp đồng), 18/10/2020 (2 hợp đồng), 19/10/2020, 20/10/2020 (2 hợp đồng), 25/10/2020 và Kết luận giám định số 390/KLGĐ-PC09-TL ngày 22/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Ninh Bình đủ căn cứ xác định từ ngày 08/9/2020 đến ngày 25/10/2020 chị Trần Thị H đã cho chị Hoàng Thị Th vay tiền 12 lần với tổng số tiền 7.490.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ mức lãi suất và có xác định thời hạn vay trong từng hợp đồng.

Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần yêu cầu chị Hoàng Thị Th trình bày ý kiến và tổ chức đối chất để làm rõ tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng chị Th không tham gia và không có ý kiến, không thể hiện quan điểm đối với yêu cầu buộc chị Th phải trả 7.490.000.000 đồng tiền gốc của chị H. Chị Th không công nhận tổng số tiền 7.222.222.000 đồng theo 09 hợp đồng mà chị H giao nộp cho Tòa án nhưng không trình bày cụ thể đó là những hợp đồng nào, không giao nộp chứng cứ chứng minh lý do của việc không công nhận. Chị Th thừa nhận hợp đồng vay tiền ngày 12/10/2020 và cho rằng đã trả đủ cho chị H số tiền gốc là 800.000.000 đồng và 256.000.000 đồng tiền lãi (giao tiền mặt) nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc đã trả nợ.

Chị Th không chấp nhận trả nợ cho chị H số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 9.628.437.031 đồng, với lý do không được cầm số tiền 7.490.000.000 đồng mà số tiền này là tiền lãi của những hợp đồng mà chị Th đã vay trước đó. Quan điểm của chị Th không được chị H chấp nhận và không có tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền vay trong 12 hợp đồng là các khoản lãi cộng dồn nên không có căn cứ để chấp nhận ý kiến nêu trên của chị Th.

Chị Th giao nộp cho Tòa án bản phô tô 37 hợp đồng cho cá nhân vay tiền được ký kết giữa chị H và chị Th; trong đó thể hiện từ ngày 24/6 – ngày 25/10/2020 chị H cho chị Th vay tổng số tiền 17.850.000.000 đồng (25 hợp đồng đã bị gạch chéo với tổng số tiền vay 10.360.000.000 đồng và 12 hợp đồng đang tranh chấp với tổng số tiền vay 7.490.000.000 đồng) và 13 bản phô tô chứng từ giao dịch của Agribanh Chi nhánh huyện Yên Mô thể hiện chị Th

chuyển khoản cho chị H tổng số tiền 2.113.000.000 đồng và khẳng định chị Th đã trả nợ hết cho chị H. Tuy nhiên, chị Th không cung cấp được các giấy trả tiền, các chứng từ giao dịch trong đó có 4 chứng từ trong thời hạn vay của 12 hợp đồng bị khởi kiện chỉ ghi chung chung chuyển tiền vào tài khoản của chị H chứ không ghi chuyển tiền trả nợ trong các hợp đồng vay, giữa chị Th và chị H không có biên bản đối chiếu công nợ, chốt nợ nên không đủ căn cứ để xác định chị Th đã trả nợ cho chị H số tiền vay của 12 hợp đồng đang bị khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của chị Th đã thừa nhận chị Th chưa trả cho chi H khoản tiền nào trong 12 hợp đồng đang tranh chấp trọng vụ án này.

Như vậy, căn cứ vào các chứng cứ là 12 Hợp đồng cho cá nhân vay tiền giữa chị Trần Thị H và chị Hoàng Thị Th được ký kết trong các ngày 08/9/2020, 10/10/2020, 12/10/2020, 14/10/2020, 16/10/2020 (2 hợp đồng), 18/10/2020 (2 hợp đồng), 19/10/2020, 20/10/2020 (2 hợp đồng), 25/10/2020 và Kết luận giám định số 390/KLGĐ-PC09-TL ngày 22/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Ninh Bình, bản án sơ thẩm xác định chị Hoàng Thị Th đã vay chị Trần Thị H số tiền 7.490.000.000 đồng và buộc chị Th phải trả cho chị H số tiền gốc 7.490.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Về lãi suất: trong 12 hợp đồng cho cá nhân vay tiền nêu trên đều ghi thời hạn vay và lãi suất "theo thỏa thuận". Trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm chị H và người đại diện của chị Th đã thừa nhận sau khi ký kết hợp đồng, hai bên không có thỏa thuận mức lãi suất cụ thể của mỗi hợp đồng là bao nhiêu phần trăm.

Bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự và theo hướng dẫn tại Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi và buộc chị Th phải chịu mức tiền lãi trên nợ lãi chưa trả là 10%/năm và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả với mức lãi suất 150% của lãi suất trong hạn (bằng 15%/năm) là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của chị Th.

Trong trường hợp này phải xác định trong 12 bản hợp đồng cho cá nhân vay tiền giữa chị H và chị Th có thỏa thuận về lãi nhưng không xác định rõ mức lãi suất và đến nay có tranh chấp; vì vậy lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

(Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc).

Đối với trường hợp nêu trên, theo hướng dẫn tại khoản 1, 2 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì *"thời điểm trả nợ"* là *"thời điểm xét xử sơ thẩm"* và thời điểm xét xử sơ thẩm trong vụ án này được tính là ngày 12/9/2022.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là chị Hoàng Thị Th. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Yên Mô, tỉnh Ninh Bình về phần lãi suất và án phí sơ thẩm như sau:

Do chị Th không trả số tiền nợ gốc cho chị H nên tại thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2022) chị Thuỳ phải trả cho chị H số tiền gốc và lãi đối với 12 Hợp đồng cho cá nhân vay tiền, cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 08/9/2020: Số tiền gốc: 200.000.000 đồng; Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả là: 200.000.000đ x 10%/365 x 734 ngày = 40.219.178 đồng;

- Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 10/10/2020: Số tiền gốc: 1.000.000.000 đồng; Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả là: 1.000.000.000đ x 10%/365 x 702 ngày = 192.328.767 đồng;

- Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 12/10/2020: Số tiền gốc: 800.000.000 đồng; Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả là: 800.000.000đ x 10%/365 x 700 ngày = 153.424.658 đồng;

- Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 14/10/2020: Số tiền gốc: 850.000.000 đồng; Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả là: 850.000.000đ x 10%/365 x 698 ngày = 162.547.945 đồng;

- Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 16/10/2020: Số tiền gốc: 500.000.000 đồng; Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả là: 500.000.000đ x 10%/365 x 696 ngày = 95.342.466 đồng;

- Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 16/10/2020: Số tiền gốc: 1.000.000.000 đồng; Số tiền lãi trên nợ gốc trong hạn là: 1.000.000.000đ x 10%/365 x 696 ngày = 190.684.932 đồng;

- Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 18/10/2020: Số tiền gốc: 500.000.000 đồng; Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả là: 500.000.000đ x 10%/365 x 694 ngày = 95.068.493 đồng;

- Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 18/10/2020: Số tiền gốc: 240.000.000 đồng; Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả là: 240.000.000đ x 10%/365 x 694 ngày = 45.632.877 đồng;

- Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 19/10/2020: Số tiền gốc: 500.000.000 đồng; Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả là: 500.000.000đ x 10%/365 x 693 ngày = 94.931.507 đồng;

- Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 20/10/2020: Số tiền gốc: 1.000.000.000 đồng; Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả là: 1.000.000.000đ x 10%/365 x 692 ngày = 189.589.041 đồng;

- Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 20/10/2020: Số tiền gốc: 300.000.000 đồng; Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả là: 300.000.000đ x 10%/365 x 692 ngày = 56.876.712 đồng;

- Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 25/10/2020: Số tiền gốc: 600.000.000 đồng; Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả là: 600.000.000đ x 10%/365 x 687 ngày = 112.931.507 đồng;

Như vậy, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2022) chị Hoàng Thị Th phải trả cho chị Trần Thị H theo 12 hợp đồng nêu trên với tổng số tiền nợ gốc và lãi là 8.919.578.082 đồng, trong đó nợ gốc là 7.490.000.000 đồng, tiền lãi 1.429.578.082 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Hoàng Thị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ phải trả nợ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Theo các quy định nêu trên thì án phí trong vụ án được tính như sau: đối với tranh chấp dân sự có giá ngạch từ 4.000.000.000 đồng trở lên mức án phí là 112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt quá 4.000.000.000 đồng (112.000.000 đồng + (0,1% x 4.919.578.082 đồng = 4.919.578đ) = 116.919.578 đồng).

Hoàn trả lại cho chị Trần Thị H 59.153.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[4] Về án phí phúc thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm nên chị Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lai cho chị Th 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình như sau:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về việc tranh chấp 12 Hợp đồng vay tài sản giữa chị Trần Thị H và chị Hoàng Thị Th.

- Buộc chị Hoàng Thị Th phải trả cho chị Trần Thị H số tiền nợ gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2022) với tổng số tiền là: 8.919.578.082 đồng, làm tròn số 8.919.578.000 đồng *(tám tỷ chín trăm mười chín triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng)*, trong đó: số tiền gốc là 7.490.000.000 đồng *(bảy tỷ bốn trăm chín mươi triệu đồng)*; số tiền lãi là 1.429.578.082 đồng *(một tỷ bốn trăm hai mươi chín triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng)*.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Hoàng Thị Th phải chịu 116.919.578 đồng, làm tròn số là 116.919.000 đồng *(một trăm mười sáu triệu chín trăm mười chín nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho chị Trần Thị H 59.153.000 đồng *(năm mươi chín triệu một trăm năm mươi ba nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0006272 ngày 17/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

2. Về án phí phúc thẩm: chị Hoàng Thị Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho chị Th số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, theo biên lai số AA/2021/0006371 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (14/4/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TANDCC tại Hà Nội;
- TAND huyện Yên Mô;
- CCTHADS huyện Yên Mô;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tử Lượng